

Di Linh dưới góc nhìn địa văn hóa

Vương Tuấn An^{a*}, Phan Văn Bông^b

Tóm tắt:

Bài viết với tiếp cận liên ngành kết hợp địa lý tự nhiên, lịch sử - văn hóa và nhân học đặt khu vực Di Linh (thuộc huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng cũ) dưới góc nhìn địa văn hóa để lý giải sự hình thành, vận động của không gian văn hóa trong mối quan hệ với môi trường - cảnh quan. Trên cơ sở tổng hợp tư liệu lịch sử, địa lý, khảo sát thực địa và phân tích so sánh, nghiên cứu làm rõ các đặc trưng tự nhiên, sinh thái nổi bật của khu vực, cùng quá trình sinh sống và nền văn hóa lâu đời của hai tộc người tại chỗ là Cơ Ho, Mạ.

Kết quả cho thấy không gian văn hóa Di Linh được cấu trúc bởi mối quan hệ chặt chẽ giữa môi trường, cảnh quan và mô hình cư trú, tri thức bản địa, tập quán sản xuất, hệ thống lễ hội, tín ngưỡng... Sự tiếp biến văn hóa qua các thời kỳ, từ truyền thống, thuộc địa đến nay đã tạo nên tầng địa văn hóa đa dạng, vừa có tính địa phương, vừa phản ánh sự giao lưu khu vực Tây Nguyên và vùng Nam Trung Bộ. Qua đó, bài viết đồng thời chỉ ra các giá trị cần được bảo tồn và gợi mở hướng tiếp cận địa văn hóa trong quy hoạch phát triển không gian văn hóa, du lịch khu vực Di Linh.

Từ khóa: *Di Linh, địa văn hóa, người Cơ Ho, người Mạ*

^a Trường Đại học Đà Lạt; 01 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
e-mail: anvt@dlu.edu.vn

^b Trường Đại học Đà Lạt; 01 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
e-mail: bongpv@dlu.edu.vn

* Tác giả chịu trách nhiệm chính.

Di Linh from the Perspective of Cultural Geography.

Vuong Tuan An^{a*}, Phan Van Bong^b

Abstract:

Using an interdisciplinary approach that combines physical geography, historical-cultural studies, and anthropology, this article examines the Di Linh area (formerly Di Linh District, Lâm Đồng Province) from a cultural-geographical perspective in order to interpret the formation and dynamics of cultural space in relation to environment and landscape. Based on the synthesis of historical and geographical materials, field surveys, and comparative analysis, the study clarifies the area's prominent natural and ecological characteristics, as well as the long-standing settlement history and cultural traditions of the two indigenous ethnic groups, the Co Ho and the Mạ.

The findings show that the cultural space of Di Linh is structured by a close interrelationship among environment, landscape, settlement patterns, indigenous knowledge systems, production practices, ritual systems, and belief systems. Cultural acculturation across different historical periods - from the pre-colonial era through the colonial period to the present -has produced a multilayered cultural-geographical landscape that is both locally rooted and reflective of broader exchanges within the Central Highlands and the South Central Coast regions. Accordingly, the article also identifies values that need to be preserved and suggests a cultural-geographical approach to spatial planning for cultural and tourism development in the Di Linh area.

Keywords: *Di Linh, cultural geography, Co Ho people, Mạ people*

Received: 30.3.2026. Accepted: 15.6.2026. Published: 30.6.2026

DOI: 10.59907/daujs.5.3.2026.603

^a Da Lat University; 01 Phu Dong Thien Vuong, Lam Vien-Da Lat Ward, Lam Dong Province.
e-mail: anvt@dlu.edu.vn

^b Da Lat University; 01 Phu Dong Thien Vuong, Lam Vien-Da Lat Ward, Lam Dong Province.
e-mail: bongpv@dlu.edu.vn

* Corresponding author.

Đặt vấn đề

Khu vực Di Linh¹ nằm ở trung tâm Cao nguyên Di Linh (Djiring) được bác sĩ A. Yersin phát hiện năm 1890, nằm ở vị trí chuyển tiếp giữa Tây Nguyên và vùng duyên hải Nam Trung Bộ, phía bắc là Cao nguyên Lang Biang (trên 1.500 m) và phía tây nam là Cao nguyên Mơ Nông (khoảng 600-700 m). Với đặc điểm địa mạo bazan hình thành từ hàng triệu năm, vùng trung tâm Cao nguyên Di Linh tạo nên một không gian tự nhiên đặc thù, gắn liền với hệ cảnh quan rừng - suối / hồ - ruộng - đồi rộng lớn. Đây đồng thời là nơi cư trú lâu đời của các cộng đồng cư dân tại chỗ là người Mạ và Cơ Ho, tạo nên những trầm tích văn hóa đa dạng, phong phú và độc đáo trong văn hóa Tây Nguyên. Từ 1975 đến nay quá trình di cư quy mô lớn cùng với sự phát triển nông nghiệp hàng hóa và quá trình đô thị hóa nhanh chóng, cấu trúc văn hóa, xã hội truyền thống của khu vực này có nhiều biến đổi mạnh mẽ. Việc nghiên cứu và nhận diện giá trị không gian văn hóa gắn với điều kiện địa lý tự nhiên trở nên cần thiết, nhất là xu hướng bảo tồn cảnh quan văn hóa, phát triển bền vững và quy hoạch không gian phát triển của tỉnh Lâm Đồng mới.

Hiện nay, hướng tiếp cận địa văn hóa (*geo-cultural approach*) được sử dụng rộng rãi hơn trong nghiên cứu khoa học nhân văn, nhằm giải thích mối quan hệ giữa môi trường tự nhiên, lịch sử cư trú và sự hình thành, phát triển của các cấu trúc văn hóa, xã hội. Tuy nhiên, tại Lâm Đồng nói chung và khu vực Di Linh nói riêng, các nghiên cứu theo hướng này còn hạn chế. Phần lớn các công trình hiện nay tập trung vào vấn đề dân tộc học, kinh tế - xã hội hoặc lịch sử địa phương, trong khi góc nhìn địa văn hóa giúp nhìn rõ hơn tính hệ thống của các yếu tố không gian, môi trường sống và sự thích ứng văn hóa của cư dân tại chỗ qua biến đổi của lịch sử. Chính vì vậy, việc tiếp cận khu vực Di Linh dưới góc nhìn địa văn hóa không chỉ góp phần bổ sung vào khoảng trống nghiên cứu, mà còn mang ý nghĩa thực tiễn đối với công tác bảo tồn văn hóa, phát triển du lịch bền vững.

Với các mục tiêu cơ bản: xác định những thành tố địa văn hóa chủ đạo của khu vực Di Linh; phân tích sự tương tác giữa điều kiện tự nhiên và mô hình cư trú, sinh kế, tín ngưỡng của các cộng đồng tại chỗ; nhận diện những biến đổi địa văn hóa; đề xuất một số định hướng bảo tồn và phát huy các giá trị địa văn hóa đặc thù. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng gồm: phân tích tư liệu, phương pháp địa văn hóa, khảo sát thực địa, kết hợp so sánh, liên ngành.

Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần nhận diện sâu sắc hơn bản sắc văn hóa của Di Linh, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học cho công tác bảo tồn, phát huy không gian văn hóa và phát triển du lịch trên nền tảng cảnh quan đặc trưng.

¹ Trong bài viết này khu vực Di Linh tương ứng với huyện Di Linh trước ngày 01/7/2025.

Cơ sở lý luận và tổng quan nghiên cứu

Cơ sở lý luận về địa văn hóa

Các học giả kinh điển của lý thuyết địa văn hóa như Carl Ortwin Sauer, Joël Bonnemaison, hay các nhà nhân học văn hóa và nhân học sinh thái như Julian Haynes Steward đều nhấn mạnh mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa và môi trường tự nhiên. Thông qua việc khảo cứu sự thích ứng của con người với sinh cảnh, cũng như tác động qua lại giữa các hoạt động sản xuất nông nghiệp, kỹ thuật, kiến trúc và sự biến đổi địa hình, các hệ hình lý thuyết này làm sáng tỏ vai trò quyết định của môi trường địa lý tự nhiên đối với sự hình thành, chuyển dịch của văn hóa. Đồng thời, các tác giả cũng chỉ ra những ảnh hưởng ngược chiều của hoạt động nhân văn đối với hệ sinh thái, từ đó đặt ra yêu cầu nhận thức về trách nhiệm bảo vệ môi trường của con người (Lý Tùng Hiếu, 2019).

Theo Joël Bonnemaison (2000), địa lý văn hóa, nền tảng cốt lõi của tiếp cận địa văn hóa, là phân ngành đặt con người vào trung tâm của mọi sự giải thích địa lý, bao gồm hệ thống tư tưởng, niềm tin, tâm thức và trải nghiệm sinh tồn của các cộng đồng cư dân. Hướng tiếp cận này hướng đến việc xây dựng một ngành khoa học nhân văn chuyên biệt nhằm lý giải vai trò quyết định của các cấu trúc văn hóa trong tiến trình nhận thức thế giới đương đại; trong đó, lộ trình phân tích dựa trên sự tổng hòa giữa yếu tố thực chứng và chiều kích biểu tượng, giữa tư duy lý tính và các cấu trúc phi lý tính thuộc đời sống tinh thần của con người (Bonnemaison, 2000: 9).

Từ những tiền đề trên, địa văn hóa được hiểu là một hướng tiếp cận liên ngành nằm ở giao điểm giữa địa lý học, văn hóa học, nhân học và lịch sử học, nhằm nghiên cứu sự hình thành, vận động và biến đổi của các hệ thống văn hóa trong mối quan hệ hữu cơ với môi trường tự nhiên và không gian cư trú của con người. Theo cách tiếp cận này, văn hóa không phải là một thực thể tĩnh tại mà là sản phẩm của quá trình tương tác lâu dài giữa cộng đồng cư dân với điều kiện địa lý, sinh thái và lịch sử cụ thể của từng vùng lãnh thổ. Mỗi không gian địa lý đều tạo ra những điều kiện riêng về sinh tồn, sản xuất và giao lưu, từ đó góp phần định hình các phương thức ứng xử văn hóa, cấu trúc xã hội, hệ thống tri thức bản địa và bản sắc cộng đồng.

Trong nghiên cứu hiện đại, địa văn hóa ngày càng được xem là một hướng tiếp cận có giá trị trong phân tích phát triển vùng và phát triển du lịch văn hóa. Khác với các cách tiếp cận thuần túy kinh tế hoặc quy hoạch lãnh thổ, địa văn hóa cho phép nhận diện những nguồn lực phát triển mang tính nội sinh được hình thành từ sự tích hợp giữa cảnh quan tự nhiên, ký ức lịch sử, tri thức bản địa, tập quán sinh kế và các giá trị văn hóa đặc thù của cộng đồng cư dân. Theo đó, văn hóa không chỉ là sản phẩm của phát triển mà còn là nguồn lực chiến lược góp phần tạo nên tính đặc thù của khu vực cụ thể và năng lực cạnh tranh của mỗi địa phương. Trong lĩnh vực du lịch văn hóa, tiếp cận địa văn hóa giúp làm rõ mối

quan hệ giữa con người, không gian và bản sắc địa phương; đồng thời tạo cơ sở cho việc xây dựng các sản phẩm du lịch dựa trên giá trị bản địa, bảo đảm sự cân bằng giữa bảo tồn di sản, phát triển sinh kế cộng đồng và khai thác tài nguyên du lịch một cách bền vững.

Để làm rõ nội hàm của địa văn hóa, cần phân biệt khái niệm này với các khái niệm gần như vùng văn hóa và cảnh quan văn hóa. Vùng văn hóa được hiểu là một không gian tương đối thống nhất, trong đó tồn tại sự tập hợp của những đặc trưng văn hóa chủ đạo được hình thành trên cơ sở các điều kiện lịch sử, tự nhiên và xã hội nhất định. Các vùng văn hóa không tồn tại biệt lập mà luôn diễn ra quá trình giao lưu, tiếp biến và trao đổi văn hóa với các vùng lân cận, theo Trần Ngọc Khánh (2011). Trong khi đó, cảnh quan văn hóa là kết quả hữu hình của quá trình con người tác động lên môi trường tự nhiên. Theo Bonnemaïson (2000), cảnh quan văn hóa vừa là “dấu ấn”, vừa là “khuôn mẫu” của văn hóa, nơi các giá trị, ký ức và bản sắc cộng đồng được vật chất hóa trong không gian. Thông qua quá trình cư trú, khai phá và sử dụng lãnh thổ, con người đã chuyển hóa cảnh quan tự nhiên thành cảnh quan mang tính văn hóa, phản ánh đặc trưng riêng của từng cộng đồng cư dân (Bonnemaïson, 2000: 136).

Như vậy, địa văn hóa là khung lý thuyết và phương pháp luận dùng để giải thích mối quan hệ giữa con người, văn hóa và môi trường; vùng văn hóa là đơn vị không gian để nhận diện và phân loại các đặc trưng văn hóa; còn cảnh quan văn hóa là biểu hiện vật chất của quá trình tương tác địa văn hóa trong lịch sử. Ba khái niệm này có mối quan hệ mật thiết nhưng không đồng nhất, đồng thời bổ sung cho nhau trong việc nhận diện các giá trị văn hóa gắn với không gian lãnh thổ.

Vận dụng quan điểm địa văn hóa, văn hóa được nhìn nhận không chỉ như hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần, mà còn là kết quả của quá trình con người kiến tạo, tổ chức và “nhân văn hóa” không gian tự nhiên trong dòng chảy lịch sử. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này sử dụng địa văn hóa làm khung lý thuyết chủ đạo nhằm lý giải quá trình hình thành và biến đổi các mô thức văn hóa của cư dân ở khu vực Di Linh. Trọng tâm nghiên cứu tập trung vào các cộng đồng dân tộc thiểu số tại chỗ là Cơ Ho, Mạ cùng các nhóm cư dân di cư đến vùng đất này qua các giai đoạn lịch sử khác nhau. Qua đó, nghiên cứu nhận diện những giá trị địa văn hóa đặc sắc được hình thành từ sự tương tác lâu dài giữa con người với môi trường cao nguyên, xem đây là nguồn lực nội sinh quan trọng cho phát triển du lịch văn hóa, bảo tồn di sản và phát triển khu vực trong bối cảnh hiện nay.

Để triển khai phân tích, nghiên cứu xây dựng hệ tiêu chí nhận diện địa văn hóa dựa trên bốn phương diện cơ bản: (1) cơ chế thích ứng với môi trường sinh thái; (2) phương thức tổ chức sinh kế và khai thác tài nguyên; (3) cấu trúc tổ chức không gian xã hội và cư trú; (4) quá trình kiến tạo các biểu trưng văn hóa và dấu ấn bản sắc trên nền cảnh quan đặc thù của Cao nguyên Di Linh. Đây là những thành tố phản ánh rõ nét mối quan hệ giữa điều kiện

tự nhiên, lịch sử cư trú và quá trình phát triển văn hóa của cộng đồng cư dân trong không gian nghiên cứu.

Các nghiên cứu liên quan đến khu vực Di Linh

Những nghiên cứu về Di Linh được triển khai từ nhiều tiếp cận khác nhau, song có thể hệ thống thành ba nhóm chính:

Thứ nhất, nhóm nghiên cứu về dân tộc học và văn hóa tộc người: Nhiều công trình khảo cứu tập trung mô tả văn hóa, phong tục và đời sống xã hội của các tộc người cư trú lâu đời tại Di Linh, đặc biệt là người Mạ và người Cơ Ho. Có thể kể đến các tài liệu như Văn hóa truyền thống Mạ - Cơ Ho (Cao Thế Trình), Điều tra di sản văn hóa Cơ Ho, Mạ, Chu Ru tỉnh Lâm Đồng (Sở Văn hóa - Thông tin Lâm Đồng), Vài nét văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên ở Lâm Đồng (Sở Văn hóa - Thông tin Lâm Đồng, 2005)... Các công trình này cung cấp nguồn tư liệu quan trọng về cấu trúc bon làng, tín ngưỡng đa thần, lễ hội nông nghiệp, hệ thống nhạc cụ truyền thống, cùng các mô hình canh tác rẫy và tri thức bản địa về rừng. Tuy nhiên, phần lớn mới dừng lại ở mô tả văn hóa mà chưa đặt các thực hành văn hóa ấy trong quan hệ hữu cơ với điều kiện địa lý - sinh thái của cao nguyên, do đó còn thiếu chiều sâu phân tích theo hướng địa văn hóa.

Thứ hai, nhóm nghiên cứu về lịch sử và địa lý địa phương: Các tài liệu địa chí và khảo cứu lịch sử - địa lý Di Linh tập trung trình bày vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tiến trình hình thành cộng đồng cư dân bản địa, các đợt di cư cũng như quá trình phát triển kinh tế - xã hội từ cận đại đến hiện đại. Một số công trình tiêu biểu gồm: Lịch sử truyền thống cách mạng của Đảng bộ, quân và dân các dân tộc huyện Di Linh (Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Di Linh, 2023); Lịch sử Đảng bộ huyện Di Linh 1975-2005 (Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Di Linh, 2006); Lịch sử Đảng bộ huyện Di Linh 2005-2025 (Phan Văn Bông, 2025)... Các tài liệu này cung cấp tư liệu có giá trị về tiến trình lịch sử - xã hội nhưng chủ yếu nhấn mạnh yếu tố lịch đại mà chưa phát triển thành một phân tích mang tính địa văn hóa tổng hợp, vốn đòi hỏi sự gắn kết giữa lịch sử cư trú, môi trường và văn hóa.

Ba là, nhóm nghiên cứu về phát triển kinh tế - xã hội, nông nghiệp và du lịch: Trong những năm gần đây, nhiều công trình hướng đến phân tích sự chuyển dịch kinh tế - xã hội tại Di Linh dưới tác động của nông nghiệp hàng hóa (cà phê, chè, hồ tiêu), đô thị hoá, quy hoạch đất đai và phát triển du lịch sinh thái, cộng đồng. Có thể kể đến: *Những biến đổi trong sản xuất nông nghiệp của người Mạ tỉnh Lâm Đồng* (Trần Minh Đức, 2015), *Chuyển biến kinh tế, xã hội của người Cơ Ho Srê tại Lâm Đồng từ năm 1975 đến năm 2015* (Phan Văn Bông, 2022), *Phát triển du lịch trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng* (Phan Văn Bông, 2021)... Các nghiên cứu này ghi nhận rõ sự thay đổi cảnh quan và sinh kế, song thường tập trung vào khía cạnh kinh tế, xã hội mà chưa phân tích đầy đủ những

tác động của các biến đổi ấy đối với cấu trúc văn hóa, xã hội truyền thống của cộng đồng tại chỗ trong bối cảnh địa văn hóa rộng hơn.

Từ tổng quan nghiên cứu cho thấy, đến nay, chưa có công trình nào tiếp cận Di Linh như một hệ thống địa văn hóa hoàn chỉnh; mối tương quan giữa địa - cảnh quan: rừng - ruộng - đồi với văn hóa: mô hình cư trú - tín ngưỡng - tri thức bản địa chưa được phân tích; biến đổi văn hóa trong bối cảnh di cư, gia tăng dân số, nông nghiệp hàng hoá và đô thị hoá chưa được nhìn nhận dưới góc độ địa văn hóa.

Vì vậy, nghiên cứu Di Linh dưới góc nhìn địa văn hóa không chỉ bổ sung khoảng trống khoa học, mà còn có ý nghĩa thực tiễn trong việc bảo tồn không gian rừng thiêng - suối / hồ / thác - ruộng - đồi..., phục hồi bền truyền thống và phát triển du lịch cộng đồng trên nền tảng tri thức bản địa.

Khái quát về Di Linh

Đặc điểm địa mạo - tự nhiên

Trong không gian tỉnh Lâm Đồng hiện nay, khu vực Di Linh (hiện nay gồm các xã: Di Linh, Gia Hiệp, Bảo Thuận, Đinh Trang Thượng, Sơn Điền, Hòa Bắc, Hòa Ninh) giữ vị trí trung tâm và thuộc hệ thống các cao nguyên bazan cổ, được hình thành từ hoạt động núi lửa diễn ra cách đây hàng triệu năm.

Cao nguyên Di Linh nằm ở độ cao trung bình khoảng 900-1.000 m so với mực nước biển, giữ vị trí trung gian chuyển tiếp đặc thù về sinh thái và văn hóa giữa cao nguyên Lang Biang ở phía bắc (trên 1.500 m) và cao nguyên Mơ Nông ở phía tây nam (khoảng 600-700 m). Vị trí địa lý này tạo nên một không gian giao thoa giữa các yếu tố văn hóa Tây Nguyên với các luồng ảnh hưởng lịch sử từ duyên hải Nam Trung Bộ (qua Phan Thiết) và vùng Đông Nam Bộ.

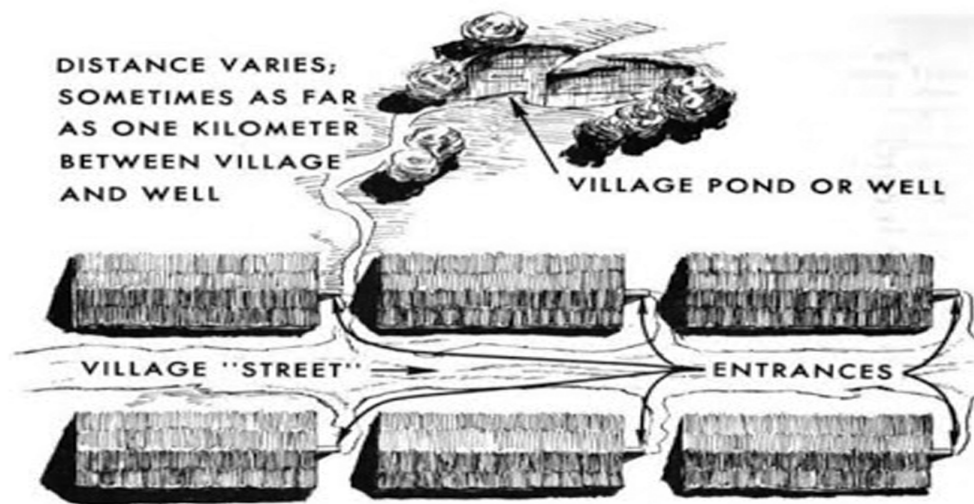
Địa hình Di Linh được cấu tạo chủ yếu bởi loại đất đỏ bazan có độ phì cao, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các loại cây công nghiệp dài ngày như cà phê, chè và hồ tiêu (Ban Chấp hành Đảng bộ Di Linh, 2023). Tại các cánh đồng Tam Bốc, Gung Ré... ven suối có địa hình bằng phẳng hơn, từ lâu đã là không gian cư trú truyền thống của người Cơ Ho Srê, gắn với nghề trồng lúa nước lâu đời.

Hệ thống thủy văn Di Linh bao gồm các phụ lưu nhỏ thuộc thượng nguồn sông La Ngà, sông Đa Dâng... và các thác đẹp như Bobla, Liliang (Cầu 4), Tiên Cô (Tiang Ko)... giữ vai trò thiết yếu trong việc tổ chức không gian cư trú truyền thống của cư dân tại chỗ. Trước kia, rừng nguyên sinh bao phủ phần lớn diện tích cao nguyên, vừa là nguồn tài nguyên sinh thái, vừa là không gian văn hóa - tín ngưỡng gắn chặt với thế giới quan và vũ trụ quan của các tộc người tại chỗ (BCH Đảng bộ huyện Di Linh, 2023).

vai trò của chủ làng, già làng và trưởng họ (*krã bòn, quăng bri phi bòn, quăng bòn, kôn pàng*). Những yếu tố văn hóa - không gian cư trú như nhà sàn dài (*hiu rọt*), bến nước (*tô dà*), bãi đất thiêng (*ù wer*), rừng thiêng (*yang bri*)... giữ vai trò trung tâm trong cấu trúc xã hội, đồng thời phản ánh mối quan hệ hữu cơ giữa cộng đồng cư dân với cảnh quan tự nhiên.

Từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, lịch sử Di Linh biến động mạnh khi thực dân Pháp thiết lập tỉnh Đồng Nai Thượng (giai đoạn 1899-1904, 1920-1928 và 1941-1958) với tỉnh lỵ đặt tại trung tâm Cao nguyên Di Linh. Sự hiện diện của người Pháp cùng việc xây dựng các tuyến giao thông, công sở, sự ra đời các đồn điền trà, cà phê đã tạo ra một cấu trúc tiếp xúc văn hóa mới giữa cư dân nơi đây với văn hóa Pháp - Việt.

Sau năm 1954 và đặc biệt là sau năm 1975, quá trình xây dựng vùng kinh tế mới và các chủ trương phát triển nông - lâm nghiệp đã thúc đẩy những dòng người di cư từ nhiều vùng miền đến Di Linh. Từ đây, cơ cấu dân cư có nhiều biến đổi, tạo nên một không gian đa văn hóa, đồng thời tác động mạnh đến mô hình tổ chức bòn truyền thống và phương thức sinh kế của các tộc người tại chỗ (Phan Văn Bông, 2021).



Hình 1. Bòn truyền thống của người Cơ Ho Srê

(Nguồn: Phan Văn Bông, 2022)

Biến động kinh tế - xã hội và tác động đến cảnh quan văn hóa

Trong các thập niên 1980-1990, cùng với các dòng di dân và quá trình mở rộng diện tích cây công nghiệp (đặc biệt là cà phê và chè), Di Linh chứng kiến sự thu hẹp đáng kể của rừng tự nhiên, ví dụ năm 1989 diện tích rừng huyện Di Linh là 114.487 ha, đến 2020 diện tích rừng chỉ còn 83.254,6 ha, tức giảm 31.232,4 ha, tương đương khoảng 27,3% trong vòng ba thập niên (Ban Chấp hành Đảng bộ Di Linh, 2023). Sự chuyển đổi mục đích sử dụng đất này dẫn đến biến đổi sâu sắc trong mô hình sinh kế nương rẫy truyền thống.

Đồng thời, quá trình đô thị hoá diễn ra nhanh chóng tại xã Di Linh và các xã dọc theo quốc lộ 20 đã tạo ra những biến đổi đáng kể trong cấu trúc không gian cư trú. Mô hình bon truyền thống dần bị thay thế bởi các dạng định cư phân tán hoặc dồn tụ theo trục giao thông và các khu vực phát triển thương mại - dịch vụ. Ở nhiều địa điểm, cộng đồng dân tộc thiểu số tại chỗ bị dịch chuyển hoặc bị đẩy lùi khỏi các vị trí cư trú “mặt tiền” vốn gắn bó lâu đời với họ, làm gia tăng mức độ đứt gãy trong tổ chức không gian văn hóa - xã hội truyền thống (Phan Văn Bông, 2021).

Nền nông nghiệp hàng hoá, sự phát triển của các hoạt động khai thác khoáng sản, xây dựng thủy điện và hạ tầng kinh tế (như Thủy điện Đồng Nai 2, Hồ thủy lợi Ka La...) tạo ra những áp lực lớn đối với hệ sinh thái cao nguyên. Những biến đổi này làm suy giảm các yếu tố cảnh quan văn hóa gắn bó mật thiết với đời sống của người Mạ và Cơ Ho, bao gồm hệ thống rừng - suối / hồ - ruộng - nương rẫy (đồi) vốn là nền tảng tri thức bản địa, tín ngưỡng và tổ chức xã hội. Nhiều giá trị truyền thống như lễ hội nông nghiệp, tri thức quản lý rừng, cấu trúc bòn đang đối mặt với nguy cơ mai một, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp cận nghiên cứu Di Linh dưới góc nhìn địa văn hóa để nhận diện các tác lực biến đổi này.

Các thành tố địa văn hóa đặc trưng của khu vực Di Linh

Không gian cư trú và cấu trúc bòn truyền thống

Không gian cư trú của người Mạ và Cơ Ho khu vực Di Linh không phải là sự phân bố ngẫu nhiên, mà là kết quả của một chiến lược thích ứng sinh thái có chiều sâu lịch sử. Các bon (làng) truyền thống thường được thiết lập trên các triền đồi thoai thoải để tránh ngập lụt vào mùa mưa, đồng thời áp sát dọc theo những cánh đồng thung lũng (đối với người Cơ Ho Srê) hoặc gần kề các bìa rừng nguyên sinh (đối với người Mạ, Cơ Ho Nộp, Cơ Ho Cơ Dòn) nhằm tối ưu hóa việc khai thác nguồn lợi tự nhiên

Cấu trúc cốt lõi của bon vận hành xoay quanh trục liên kết của các ngôi nhà sàn dài, biểu tượng cho mô hình thiết chế đại gia đình. Đối với người Mạ, đó là cấu trúc phụ hệ; trong khi đối với các nhóm Cơ Ho, đây là không gian của đại gia đình mẫu hệ. Bản sắc này được lưu dấu trong tâm thức cộng đồng người Cơ Ho qua câu thành ngữ cổ: “*Hìu rọt, pọt dờng*” (Nhà dài, lối đi dài). Trước đây, một ngôi nhà sàn dài có thể đạt kích thước từ 30 m đến hơn 40 m, là nơi quần cư của nhiều thế hệ tiểu gia đình. Quy mô của một bòn có sự phân hóa rõ rệt dựa trên mô hình sinh kế: bon của người Mạ, Cơ Ho Nộp hay Cơ Ho Cơ Dòn thiên về làm rẫy nên quy mô nhỏ (chỉ khoảng 10-15 nhà dài) và có tính dịch chuyển linh hoạt; ngược lại, bòn của người Cơ Ho Srê có quy mô lớn hơn hẳn (từ 25-30 nhà dài) do đặc trưng kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước thung lũng đòi hỏi sự định cư ổn định và lâu dài (Phan Văn Bông, 2022).



Hình 2. Nhà dài người Cơ Ho Srê ở xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng
(Nguồn: Phan Văn Bông, 2025)



Hình 3. Một giếng nước người Cơ Ho Srê ở xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng
(Nguồn: Tác giả, 2025)

Cấu trúc không gian bòn thể hiện tính cố kết cộng đồng cao, được tổ chức xoay quanh các thiết chế và không gian sinh hoạt mang ý nghĩa kinh tế, xã hội và tâm linh như bến nước, rừng thiêng và khu vực sinh hoạt chung. Trong đó, nguồn nước (*tô dà*) giữ vai trò đặc biệt quan trọng, là nhân tố quyết định việc lựa chọn địa điểm lập làng.

Qua khảo sát điền dã tại một số bòn của người Cơ Ho Srê tại thôn Di Linh Thượng 1, Di Linh Thượng 2 (xã Di Linh) và người Mạ thôn 3 (xã Đinh Trang Thượng), dấu ấn nguồn nước của bòn vẫn còn dấu vết. Trong cuộc phỏng vấn tháng 12/2025, Bà Ka Dêm (70 tuổi, người Cơ Ho Srê, tại Di Linh Thượng 2 - Di Linh) đã lý giải: “*Người Srê mình từ xưa đi tìm đất dựng bòn, là phải có nguồn nước. Con suối là cái bụng của bòn. Là nơi để tắm giặt, lấy nước nấu ăn, lúc ít người thì khơi một giếng, đông thêm thì mở thành 2, 3 giếng*” (Tư liệu điền dã của tác giả, 12/2025).

Như vậy, cấu trúc không gian bòn truyền thống không đơn thuần là một giải pháp cư trú cơ học, mà là biểu hiện trực quan của sự hòa quyện chặt chẽ giữa tổ chức xã hội, kinh tế tộc người với cấu trúc tự nhiên, nương theo cảnh quan.

Hệ thống tín ngưỡng - nghi lễ gắn với môi trường tự nhiên

Hệ thống tín ngưỡng đa thần của cư dân bản địa Di Linh phản ánh sâu sắc mối quan hệ giữa con người và thế giới tự nhiên. Trong hệ thống các linh thần (*yàng*), *yàng Ndu* được xem là vị thần tối cao, bên cạnh hệ thống thần tự nhiên và sản xuất như thần Mặt Trời (*yàng Tongai*), thần Mặt Trăng (*yàng Konghai*), thần Đất (*yàng Ủ*), thần Lúa (*yàng Kòi*), thần Rừng (*yàng Bri*)... Trong đó, núi Brăh Yàng - ngọn núi cao nhất trên cao nguyên Di Linh - được tôn vinh là vùng linh thiêng nhất, nơi ngự trị của các *yàng*.

Hệ thống nghi lễ nông nghiệp được thực hành theo chu kỳ mùa vụ và gắn chặt với môi trường tự nhiên. Các nghi thức quan trọng bao gồm lễ cúng thần lúa (*Nô yàng kòi*), lễ cầu mưa và cầu cho mùa màng tốt tươi (*Nô wèr*), lễ thu hoạch và rê lúa... Đặc biệt, “Tết” - lễ mừng lúa mới (*Nô Rohe của người Mạ, Nô lir vong của người Cơ Ho Srê*) - giữ vị trí trọng yếu trong đời sống cộng đồng. Bên cạnh đó, lễ mừng nhà mới (*Nô hìu*) cũng thể hiện mối quan hệ mật thiết giữa con người và môi trường sống (Phan Văn Bông, 2022).

Các không gian thiêng như rừng thiêng (*yang Bri*), đất thiêng (*ù wer*), cây thiêng (*cây K'nia*), bến nước (*yàng dà*)... vừa mang chức năng bảo vệ sinh thái, cảnh quan vừa là biểu tượng văn hóa gắn với lịch sử cư trú và sự cố kết cộng đồng.



Hình 4. *Hieu wèr* (nhà thiêng), nằm ở *ù wèr* (bãi đất thiêng) của người Cơ Ho Srê sau lễ *Nô wèr* (lễ cầu mùa) ở xã Bảo Thuận

(Nguồn: Phan Văn Bông, 2022)

Sinh kế truyền thống và tri thức bản địa

Sự đa dạng về địa hình thung lũng và đồi núi trên cao nguyên Di Linh đã hình thành nên hai mô hình sinh kế tiêu biểu đồng tồn tại: kinh tế nương rẫy (*mir*) của người Mạ, người Cơ Ho Nộp, Cơ Ho Cơ Dòn gắn với hệ sinh thái rừng núi; người Cơ Ho Srê vừa làm rẫy và cả ruộng nước (*srê*) tại các thung lũng ổn định.

Phương thức canh tác nương rẫy được tổ chức theo hình thức luân khoảnh với chu kỳ tương đối dài, tạo điều kiện cho đất đai và thảm thực vật rừng phục hồi sau khai thác. Việc trồng xen nhiều loại cây lương thực và cây thực phẩm trên cùng một diện tích không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh kế mà còn góp phần hạn chế xói mòn, bảo vệ lớp đất bazan trên các sườn đồi. Đây là hình thức thích ứng sinh thái đặc trưng của cư dân sống trong môi trường rừng cao nguyên.

Việc làm ruộng của người Cơ Ho Srê khá thuần thực, họ biết khai thác các điều kiện thủy văn tự nhiên, kết hợp với kinh nghiệm quản lý nguồn nước, đã tạo điều kiện hình thành các cánh đồng lúa nước tương đối tập trung cho các ruộng cạn và sâu. Tri thức bản

địa trong việc nhận diện nguồn nước, xây dựng các đập tạm bằng đá, hệ thống máng dẫn nước bằng tre từ các khe suối về ruộng cho thấy trình độ thích ứng cao với môi trường địa phương, đồng thời phản ánh khả năng tiếp thu kinh nghiệm kỹ thuật của người Chăm.

Dưới góc độ địa văn hóa, sự hiện diện đồng thời của kinh tế nương rẫy và kinh tế lúa nước cho thấy Di Linh không chỉ là một không gian sinh thái chuyển tiếp mà còn là vùng giao thoa văn hóa quan trọng giữa Tây Nguyên và các khu vực lân cận. Các tuyến giao thông truyền thống nối Di Linh với duyên hải Nam Trung Bộ theo lối mòn Di Linh - Phan Thiết (nay là quốc lộ 28), cùng mạng lưới sông Đồng Nai và các phụ lưu, đã góp phần thúc đẩy quá trình trao đổi hàng hóa, kỹ thuật sản xuất và các giá trị văn hóa giữa miền ngược và miền xuôi, giữa người Cơ Ho, Mạ với Chăm, Việt trong lịch sử (Phan Văn Bông, 2022).

Bên cạnh nông nghiệp, cư dân tại chỗ tích lũy kho tàng tri thức phong phú về khai thác tài nguyên rừng, sử dụng cây thuốc nam và duy trì các nghề thủ công truyền thống như dệt thổ cẩm (người Mạ), đan lát, rèn công cụ. Những tri thức thích ứng này không chỉ bảo đảm sinh kế bền vững mà còn tạo nên bản sắc địa văn hóa đặc sắc cho khu vực chuyển tiếp Nam Tây Nguyên.

Không gian văn hóa bản địa qua ngôn ngữ, dân ca và địa danh

Ngôn ngữ của người Mạ và Cơ Ho chứa đựng hệ thống từ vựng phong phú mô tả chi tiết địa hình, thảo mộc, động vật, phản ánh tư duy gắn bó mật thiết với cảnh quan sinh thái. Các truyền thuyết, làn điệu *yalyau* (dân ca) và *nri* (luật tục) đều lấy núi, rừng, suối, cây thiêng và thần lúa làm trung tâm nhằm bảo tồn tri thức bản địa và định hướng quy ước ứng xử hài hòa với môi trường.

Hệ thống địa danh như Djiring, KaLa, Đỉnh Trang Thượng, Tongu, K'Rọt... phần lớn có nguồn gốc bản địa, phản ánh không gian cư trú truyền thống cũng như những biến động lịch sử của cộng đồng. Đây là những minh chứng quan trọng cho mối liên hệ giữa ngôn ngữ, ký ức tập thể và cấu trúc không gian văn hóa của cư dân trên vùng đất Di Linh.

Hình thành lớp văn hóa mới trong không gian Di Linh

Dưới góc độ địa văn hóa, không gian văn hóa Di Linh không phải là một thực thể đồng nhất mà là kết quả của quá trình tích tụ và chồng lớp các trầm tích văn hóa qua các giai đoạn lịch sử. Trong tiến trình đó, có thể nhận diện ba lớp văn hóa cơ bản cùng tồn tại và tương tác với nhau, bao gồm: (1) lớp văn hóa bản địa của các tộc người tại chỗ như Mạ và Cơ Ho; (2) lớp văn hóa thuộc địa hình thành trong thời kỳ Pháp thuộc; và (3) lớp văn hóa của các cộng đồng di cư người Kinh được hình thành mạnh mẽ từ sau năm 1954 và đặc biệt sau năm 1975.

Bảng 1: Đặc điểm các lớp văn hóa tại khu vực Di Linh

STT	Các lớp văn hóa	Đặc điểm biểu hiện trong cảnh quan và đời sống
1	Lớp văn hóa tại chỗ (Mạ, Cơ Ho)	Bòn truyền thống, nhà dài, tín ngưỡng yàng, không gian thiêng (rừng/ bến nước/ bãi đất), sinh kế nương rẫy luân khoảnh và lúa nước thung lũng, tri thức bản địa.
2	Lớp văn hóa thuộc địa (Pháp)	Hệ thống đồn điền chè/cà phê, cơ sở hành chính, hạ tầng giao thông (Quốc lộ 20, 28), kiến trúc tôn giáo phương Tây, sự du nhập của Công giáo.
3	Lớp văn hóa di dân (Người Kinh sau 1954, 1975)	Nông nghiệp hàng hóa (thâm canh cà phê, chè...), hệ thống chợ và trung tâm dịch vụ, kiến trúc nhà ở hiện đại, quá trình đô thị hóa dọc trục lộ.

(Nguồn: Thống kê của tác giả)

Sự chồng lớp văn hóa đã tạo ra những biến đổi đáng kể trong đời sống xã hội và cấu trúc cư trú của cư dân tại chỗ. Mô hình gia đình hạt nhân từng bước thay thế mô hình đại gia đình mẫu hệ truyền thống, kéo theo sự thu hẹp vai trò của nhà dài. Tuy nhiên, tại một số địa bàn như Di Linh Thượng, Ka Ming, Ka La Tongu... khác, nhà dài vẫn được duy trì như một nơi lưu giữ ký ức cộng đồng và bản sắc văn hóa tộc người. Người Cơ Ho, Mạ ở Di Linh hiện nay vừa thành thực kỹ thuật thâm canh cà phê hàng hóa của người Kinh, vừa giữ gìn các tri thức nhận diện thời tiết, đi rừng hay các thảo dược của tổ tiên...

Bên cạnh đó, sự phát triển và lan tỏa của các tôn giáo như Công giáo, Tin Lành và Phật giáo đã tạo nên những thay đổi đáng kể trong đời sống tinh thần của cư dân địa phương. Quá trình này không diễn ra theo hướng thay thế hoàn toàn tín ngưỡng truyền thống mà chủ yếu biểu hiện dưới dạng dung hợp và tiếp biến, trong đó nhiều yếu tố văn hóa bản địa vẫn được duy trì và tái diễn giải trong bối cảnh xã hội mới.

Ông K'Bring (50 tuổi, thôn K'Rọt Dờng, xã Bảo Thuận) cho biết: "*Bây giờ nhiều gia đình theo Chúa, không đâm trâu cúng Yàng kòi (thần Lúa). Nhưng bà con vẫn nhớ ơn hạt lúa. Nên nhà mình vẫn làm lễ Nô lir vong (mừng lúa mới), tuy nhiên chỉ khoảng 1-2 ngày không còn kéo dài trong bòn cả tháng như xưa*".

Sự đan cài, tích hợp và tạo lớp này chứng minh rằng không gian địa văn hóa Di Linh sở hữu một năng lực thích ứng cao, tạo nên một cấu trúc đa tầng, vừa mang tính hiện đại của khu vực phát triển nền nông nghiệp hàng hóa, vừa giữ được chiều sâu văn hóa, bản sắc tộc người đặc trưng của vùng đất Nam Tây Nguyên.

Những biến đổi địa văn hóa của các cộng đồng thiểu số tại chỗ Di Linh

Biến đổi trong không gian cư trú và cảnh quan văn hóa

Trong khoảng ba thập niên gần đây, cao nguyên Di Linh đã trải qua quá trình đô thị hoá nhanh và mở rộng mạnh diện tích cây công nghiệp, đặc biệt là cà phê, chè và các loại cây ăn trái như sầu riêng, bơ và mắc ca... Sự chuyển đổi mục đích sử dụng đất này làm thu hẹp lớn không gian rừng truyền thống, cơ sở cho sự hình thành và truyền tụng của hệ tri thức bản địa của Kon Cau. Trong tâm thức và đời sống của người Mạ và Cơ Ho, rừng không thuần túy là một thực thể sinh thái hay nguồn lợi kinh tế, mà là một “không gian xã hội tổng thể”, nơi ở của *yàng* và là bệ đỡ cho toàn bộ hệ thống luật tục, lễ hội. Do đó, mất rừng hay thu hẹp diện tích rừng tự nhiên chính là nguyên nhân gốc rễ dẫn đến sự đứt gãy văn hóa. Khi không gian rừng bị phân mảnh và chuyển đổi công năng, “rừng thiêng” (*yàng bri*) mất đi tính linh thiêng, kéo theo sự sụp đổ của hệ thống nghi lễ và các cấm kỵ văn hóa liên quan. Rừng mất cũng đồng nghĩa với việc môi trường thực hành các tri thức bản địa về thảo dược, đi rừng, săn bắn, hái lượm và ngôn ngữ định danh cảnh quan bị triệt tiêu, khiến thế hệ trẻ mất đi không gian trải nghiệm để tiếp lưu văn hóa truyền miệng.

Nhiều bôn cổ truyền thay đổi vị trí hoặc biến dạng, trong khi mô hình cư trú chuyển dần từ cấu trúc nhà dài truyền thống sang nhà xây kiên cố. Sự dịch chuyển này dẫn đến những đứt gãy nhất định trong các sinh hoạt văn hóa gắn với cảnh quan cũ. Cùng với đó, sự phát triển mạnh của hệ thống giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật tuy tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội nhưng đồng thời làm biến đổi sâu sắc cấu trúc cảnh quan văn hóa: suối, thác và các dải đồi thoải bị can thiệp mạnh; các thiết chế sinh thái kết hợp văn hóa như bãi chăn thả (*blang bka*), rẫy (*mir*), không gian nghi lễ ngoài ruộng (*ù wer*), rừng thiêng (*yàng bri*), nguồn nước (*tô dà*)... dần mất đi chức năng vốn có. Đây là những biến đổi có tác động trực tiếp đến địa văn hóa của khu vực Di Linh.

Biến đổi trong sinh kế và cấu trúc kinh tế

Từ mô hình sinh kế dựa vào rừng, “ăn rừng” (săn bắt, hái lượm, canh tác nương rẫy luân khoảnh), đồng bào Mạ và Cơ Ho đã chuyển mạnh sang nền kinh tế nông nghiệp hàng hoá. Điều này tác động mạnh đến cấu trúc cộng đồng tại chỗ thông qua hai tiến trình: “tư hữu hóa tư liệu sản xuất” và “thương mại hóa các quan hệ xã hội”. Trước đây, bôn theo cơ chế tự quản dựa trên sở hữu tập thể về đất đai và sự tương trợ sinh kế. Khi kinh tế hàng hoá phát triển, đất đai (đặc biệt là đất trồng cà phê) được định giá, đo đạc và cấp quyền sử dụng. Cấu trúc bôn truyền thống phân rã, các hộ sản xuất độc lập, cạnh tranh nhau về tài nguyên đất và nguồn nước tưới, những biến đổi này làm cho vai trò của chủ làng, trưởng họ (*quăng bôn*, *Kôn pàng*) suy giảm.

Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, việc mở rộng diện tích cây công nghiệp, đặc biệt là cà phê, cùng với quá trình thâm canh lúa nước, cơ giới hóa và gia tăng sử dụng vật

tư nông nghiệp đã nâng cao năng suất sản xuất nhưng cũng làm thay đổi đáng kể cấu trúc sinh thái nông nghiệp truyền thống. Các mô hình canh tác đa dạng trước đây dần được thay thế bằng các hình thức chuyên canh, làm gia tăng áp lực đối với tài nguyên đất, nguồn nước và đa dạng sinh học. Đồng thời, bãi chăn thả và không gian rừng bị thu hẹp ảnh hưởng lớn đến chăn nuôi đại gia súc và khả năng khai thác các nguồn tài nguyên tự nhiên của cư dân địa phương.

Cùng với sự thay đổi sinh kế là sự mai một của nhiều giá trị văn hóa trong nông nghiệp. Các lễ hội nông nghiệp cổ truyền như *Nô Rơ he* (Mạ), *Nô wer*, *Nô lir vong*, *Nô Rơ pu* (Cơ Ho Srê)... bị thu hẹp hoặc biến mất. Diện tích rừng giảm khiến hoạt động săn bắt, hái lượm giảm hẳn, kéo theo mai một tri thức bản địa về rừng, về các giống cây địa phương (như các giống *lúa kòì me*, *kòì pa*, *dưa sòdi*...), cũng như kỹ thuật canh tác truyền thống. Dưới áp lực của tính hiệu quả và cơ giới hóa trong nông nghiệp, các hình thức lao động cộng đồng “vần đổi công” giảm dần, thay thế bằng thuê mướn nhân công. Điều này làm mất đi sợi dây liên kết vô hình nhưng giúp cố kết cộng đồng, đẩy người dân tại chỗ đến “cá thể hóa” hơn.

Biến đổi trong văn hóa - xã hội và tri thức bản địa

Quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa cộng đồng cư dân bản địa và các nhóm di cư (Việt, Hoa...) diễn ra ngày càng mạnh. Hệ quả là ngôn ngữ, trang phục, nghề thủ công và nghi lễ truyền thống của người Mạ và Cơ Ho mai một, đặc biệt trong giới trẻ. Nhiều tri thức bản địa gắn với môi trường, như phân loại đất rừng, quản lý nguồn nước, nhận diện vật tổ, kỹ thuật săn bắt, lấy thuốc... không còn được truyền thừa theo cơ chế truyền miệng nữa. Sự đứt gãy này là hệ quả tất yếu khi “không gian sinh thái tự nhiên” và “không gian kinh tế tự cấp”, hai trụ cột nuôi dưỡng tri thức tại chỗ đã bị kinh tế hàng hóa và việc mất rừng làm biến đổi.

Tuy vậy, quá trình biến đổi cũng mở ra những cơ hội mới cho việc bảo tồn và tái kiến tạo giá trị địa văn hóa. Sự phát triển của du lịch cộng đồng, các dự án bảo tồn văn hóa (như làng văn hóa Cơ Ho tại xã Di Linh, làng văn hóa Mạ tại xã Bảo Lâm...), hoạt động truyền dạy tri thức bản địa trong nhà trường (dạy chữ, dạy công - chiêng tại Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Di Linh, Trường Trung học Cơ sở Sơn Điền...), cùng với các chương trình nghiên cứu khoa học liên ngành, đã và đang tạo điều kiện để những giá trị văn hóa truyền thống được làm mới và thích ứng với bối cảnh hiện đại.

Hàm ý chính sách bảo tồn và phát huy giá trị địa văn hóa tại Di Linh

Có thể thấy, Di Linh sở hữu hệ thống cảnh quan rừng – suối/ hồ – ruộng – đôi sinh động, thẩm mỹ, khí hậu ôn hòa, cùng với bản sắc văn hóa Kon Cau phong phú và độc đáo.

Đây là lợi thế quan trọng để lồng ghép yếu tố địa văn hóa vào chiến lược phát triển bền vững của khu vực. Trên cơ sở những kết quả nghiên cứu, chúng tôi đề xuất một số hàm ý chính sách như sau:

Thứ nhất, bảo tồn cảnh quan văn hóa và không gian cư trú truyền thống. Cần có sự phối hợp giữa chính quyền và giới nghiên cứu nhằm xác định, phân vùng và xếp hạng những khu vực có giá trị địa văn hóa cao như rừng già, bến nước, rừng ma, bòn cổ và các không gian lễ hội. Trên cơ sở đó, xây dựng mô hình bảo tồn phù hợp với từng loại hình cảnh quan. Việc tích hợp mục tiêu bảo tồn cảnh quan văn hóa vào quy hoạch nông nghiệp, đô thị và phát triển hạ tầng sẽ giúp hạn chế các tác động tiêu cực từ quá trình gia tăng dân số, mở rộng nông nghiệp hàng hóa và đô thị hóa. Đồng thời, cần khuyến khích việc phục dựng không gian nhà dài tại các bòn có điều kiện, nhằm bảo tồn cấu trúc cư trú truyền thống và duy trì hình thái văn hóa đặc trưng.

Thứ hai, khôi phục và bảo tồn tri thức bản địa. Cần thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, sưu tầm và hệ thống hoá tri thức bản địa liên quan đến rừng, nguồn nước, nông nghiệp, y học dân gian và các kỹ thuật sinh thái truyền thống. Những kết quả này cần được chuyển hoá thành các chương trình truyền dạy trong cộng đồng trẻ, đặc biệt thông qua việc đưa một số nội dung tri thức địa phương vào nhà trường tại Di Linh. Điều này không chỉ bảo đảm sự liên tục của chuỗi truyền thừa tri thức mà còn góp phần nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và gìn giữ bản sắc văn hóa.

Thứ ba, phát triển du lịch cộng đồng dựa trên sự kết hợp giữa cảnh quan với văn hóa. Cao nguyên Di Linh có tiềm năng lớn để phát triển du lịch văn hóa kết hợp sinh thái, đặc biệt tại các bòn của người Mạ và Cơ Ho Srê. Phát triển du lịch cần tuân thủ nguyên tắc “bảo tồn trước, khai thác sau”, trong đó cư dân tại chỗ đóng vai trò trung tâm trong quản lý điểm du lịch, tổ chức đón tiếp khách, phục dựng lễ hội, sản xuất thủ công truyền thống (dệt, đan lát), dẫn tour, thuyết minh và mô hình lưu trú nhà dài. Việc kết hợp khai thác di sản cảnh quan (đồi bazan, thác, suối, hồ, ruộng), sinh kế truyền thống (“ăn rừng”, làm ruộng, thủ công nghiệp...), cùng văn hóa bản địa sẽ tạo nên sản phẩm du lịch đặc trưng, giảm thiểu nguy cơ biến dạng văn hóa và tạo nguồn thu bền vững cho cộng đồng.

Thứ tư, lồng ghép địa văn hóa vào quy hoạch phát triển tổng thể của Di Linh. Chính quyền cần xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành giữa văn hóa, tài nguyên, môi trường, nông nghiệp và chính quyền địa phương để tích hợp yếu tố địa văn hóa vào quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch du lịch, quản lý di dân và bảo tồn cảnh quan. Đánh giá tác động địa văn hóa nên trở thành một tiêu chí quan trọng trong các dự án khai thác tài nguyên, xây dựng hạ tầng và phát triển kinh tế. Đồng thời, cần khuyến khích doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực du lịch gắn khai thác cảnh quan tự nhiên với việc tôn trọng và phát huy văn hóa bản địa.

Kết luận

Tóm lại, khu vực Di Linh có cảnh quan đẹp, đa dạng và sự hiện diện lâu đời của cộng đồng Mạ và Cơ Ho, là một không gian hội tụ các giá trị địa văn hóa độc đáo của khu vực Nam Tây Nguyên. Dưới góc nhìn địa văn hóa, có thể thấy sự gắn kết chặt chẽ giữa điều kiện tự nhiên với không gian cư trú, sinh kế, tín ngưỡng, tri thức bản địa Kon Cau tạo nên bản sắc văn hóa đậm nét của Di Linh. Tuy nhiên, những tác động mạnh mẽ từ phát triển kinh tế - xã hội hiện nay đang làm thay đổi đáng kể cấu trúc cảnh quan văn hóa - nơi kết tinh thành các lễ hội, cư trú, sinh hoạt truyền thống.

Bài viết mong muốn không chỉ góp phần nhận diện các lớp giá trị địa văn hóa của Di Linh, mà còn nhấn mạnh sự cần thiết của những chiến lược bảo tồn và phát huy phù hợp. Việc lồng ghép địa văn hóa vào quy hoạch phát triển bền vững, văn hóa bản địa, phát triển du lịch cộng đồng gắn với cảnh quan và bảo vệ không gian văn hóa truyền thống sẽ là hướng đi quan trọng nhằm gìn giữ bản sắc độc đáo tại đây.

Bài viết chỉ dừng ở mức độ nghiên cứu gợi mở, là cơ sở để tiếp tục mở rộng các hướng tiếp cận liên ngành, ứng dụng công nghệ bản đồ, khảo cổ học cảnh quan hoặc nghiên cứu so sánh với các nơi khác trong tỉnh, từ đó làm rõ hơn vai trò và giá trị của Di Linh trong tổng thể địa văn hóa, lịch sử tỉnh Lâm Đồng.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Di Linh (2006). *Lịch sử Đảng bộ huyện Di Linh 1975-2005*. Xí nghiệp In Bản đồ Đà Lạt. Lâm Đồng.
- Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Di Linh (2023). *Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của quân và dân huyện Di Linh từ 1930-1975*. Hà Nội: Quân đội Nhân dân.
- Bonnemaison, J. (2000). *La géographie culturelle*. Éditions du C.T.H.S.
- Cao Thế Trình (Chủ nhiệm) (1996). *Văn hóa truyền thống Cơ Ho - Mạ* [Đề tài khoa học cấp tỉnh]. Lâm Đồng.
- Lý Tùng Hiếu (2019). Các lý thuyết địa lý học văn hóa, sinh thái học văn hóa và việc vận dụng trong nghiên cứu văn hóa. *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa*, (28), 33-40.
- Phan Văn Bông (Chủ biên). (2025). *Lịch sử Đảng bộ huyện Di Linh 2005-2025*. Xí nghiệp In Bản đồ Đà Lạt. Lâm Đồng.
- Phan Văn Bông (2021a). Chuyển biến trong hoạt động trông rọt của kinh tế hộ gia đình người Cơ Ho Srê ở Lâm Đồng từ 1986 đến 2015. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, (1-KHXH Việt Nam), 136-146.

- Phan Văn Bông (2021b). Phát triển kinh tế nông nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng (1990-2015). Qua nghiên cứu trường hợp người Cơ Ho Srê. *Tạp chí Lịch sử Đảng* (5), 104-108.
- Phan Văn Bông (2021c). Phát triển du lịch trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. In Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế TED-2021: *Văn hóa, giáo dục và du lịch với phát triển kinh tế*. Hà Nội: Thông tin và Truyền thông, 717-722.
- Phan Văn Bông (2022). *Chuyển biến kinh tế, xã hội của người Cơ Ho Srê tại Lâm Đồng từ 1975-2015*. Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Đà Lạt.
- Sở Văn hóa - Thông tin Lâm Đồng (1999). *Điều tra di sản văn hóa Cơ Ho, Mạ, Chu Ru tỉnh Lâm Đồng*. Lâm Đồng.
- Sở Văn hóa - Thông tin Lâm Đồng (2005). *Vài nét văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên ở Lâm Đồng*. Lâm Đồng.
- Trần Minh Đức (2014). *Những biến đổi trong sản xuất nông nghiệp của người Mạ tỉnh Lâm Đồng*. Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Học viện Khoa học Xã hội.
- Trần Ngọc Khánh (2011). *Mấy cơ sở tiếp cận lý thuyết nghiên cứu văn hóa*. Truy cập ngày 08/12/2025, từ <https://nguivan.hnue.edu.vn/Nghi%3%AAAn-c%E1%BB%A9u/V%C4%83n-h%C3%B3a/p/may-co-so-tiep-can-ly-thuyet-nghien-cuu-van-hoa-phan-ii-1284>.